

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02A/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-10-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy An

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Danh Khên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Mai Ngọc Th, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh K (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2021, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa anh Mai Ngọc Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thuận 23/01/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 do chị T xin đi làm thuê trên thành phố nên từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh Th yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Th và chị T có 01 người con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 17/5/2014, hiện cháu T đang sống cùng anh Th, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Th cũng như tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng chị T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th cho anh Th được ly hôn với chị T. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc T, sinh ngày 17/5/2014 cho anh Th nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Th không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Anh Th xin ly hôn với chị T và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Th và chị T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận năm 2013 và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh Th và chị T đã có thời gian chung sống

hạnh phúc, từ tháng 01/2019 cho đến nay anh Th và chị T mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn được, chị T đã rời khỏi nhà đi thành phố làm đến nay không trở về, trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, anh Th vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị T. Đối với chị T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm mục đích hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng chị T đều vắng mặt không lý do. Điều này đã thể hiện chị T cố tình lẩn tránh, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với anh Th. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Th và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Th cho anh Th được ly hôn với chị T.

[4] *Về con chung*: Anh Th và chị T có 01 người con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 17/5/2014, hiện đang sống cùng anh Th. Anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của cháu T được chung sống với anh Th, từ khi chị T và anh Th sống ly thân cho đến nay anh Th là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con được đảm bảo, chính quyền địa phương xác nhận anh Th có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Mai Ngọc T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Th là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81,

Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Mai Ngọc Th được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Ngọc T, giới tính nam, sinh ngày 17/5/2014 cho anh Mai Ngọc Th trực tiếp nuôi dưỡng (cháu T hiện đang sống với anh Th), chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Mai Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003552 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận; anh Thuyền đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn anh Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng